

# 恒元联合法律事务所 EVER ONE LAW FIRM



## 税务指南 AC-250602 Cẩm nang Thuế 2025-06-02

标题  
Tiêu đề

修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容  
ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ  
HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

编撰  
Người soạn

经理 阮维成 会计师  
Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành

涉及范围  
Phạm vi  
liên quan

发票, 修订, 电子发票, 开立时间, 调整, 替换, 数据对帐, 保险业务, 彩票, 赌场,  
增值税, 结算周期, 错误处理, 生效日期, 税务编码, 申报  
Hóa Đơn, Sửa Đổi, Hóa Đơn Điện Tử, Thời Điểm Lập, Điều Chỉnh, Thay Thế,  
Đối Soát Dữ Liệu, Kinh Doanh Bảo Hiểm, Xổ Số, Casino, Giá Trị Gia Tăng, Kỳ  
Quy Ước, Xử Lý Sai Sót, Hiệu Lực Thi Hành, Mã Cơ Quan Thuế, Kê Khai

# 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

## ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

2025 年 3 月 20 日，政府颁布了第 70/2025/NĐ-CP 号议定，修订并补充 2020 年 10 月 19 日颁布的第 123/2020/NĐ-CP 号议定中关于发票与凭证的若干条款。

Ngày 20/3/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn chứng từ.

### (i) 关于开立发票时间的具体规定

#### (i) Quy định cụ thể thời điểm lập hoá đơn:

根据第 70/2025/NĐ-CP 号议定第 1 条，修订并补充了第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条关于开立发票时间的规定。具体如下：

Tại Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung Điều 9 trong Nghị định 123/2020/NĐ-CP liên quan đến thời điểm lập hóa đơn. Theo đó:

- **对于销售商品**（包括销售、转让公共资产及国家储备商品），开立发票的时间为商品所有权或使用权转让给买方的时刻，不论是否已收款。
- **Đối với bán hàng hóa** (bao gồm cả việc bán, chuyển nhượng tài sản công và bán hàng dự trữ quốc gia) thời điểm lập hóa đơn là khi quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa được chuyển giao cho người mua, bất kể việc đã thu tiền hay chưa thu tiền.
- **对于出口商品**（包括出口加工），卖方自行确定开立电子商业发票、电子增值税发票或电子销售发票的时间。然而，开立发票的时间最迟不得晚于商品依据海关法规完成通关后的下一个工作日。
- **Đối với xuất khẩu hàng hóa** (bao gồm cả gia công xuất khẩu), người bán tự xác định thời điểm lập hóa đơn điện tử thương mại, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử. Tuy nhiên, thời điểm lập hóa đơn phải chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định của pháp luật hải quan.
- **对于提供服务**，开立发票的时间为服务提供完成时，不论是否已收款。若服务提供商在提供服务前或提供服务过程中已收款，则开立发票的时间为收款时（不包括为确保执行会计、审计、财务税务咨询、资产评估、技术勘察设计、监理咨询及投资建设项目规划等服务而收取的保证金或预付款）。
- **Đối với cung cấp dịch vụ**, thời điểm lập hóa đơn là khi việc cung cấp dịch vụ hoàn thành, không phụ thuộc vào việc đã thu tiền hay chưa thu tiền. Nếu người cung cấp dịch vụ thu tiền trước hoặc trong quá trình cung cấp dịch vụ, thì thời điểm lập hóa đơn là khi thu tiền (trừ trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện các dịch vụ như kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; và lập dự án đầu tư xây dựng).

### (ii) 特定情况下开立发票时间的修订

#### (ii) Sửa đổi quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể

# 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

## ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

第 70/2025/NĐ-CP 号议定修订并补充了第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款的 a、e、l、m、n 项，关于特定情况下开立发票时间的规定如下：

Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm a, e, l, m, n khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP về thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể như sau:

**(1) 对于销售商品或提供服务数量大且频繁发生，需在企业与客户、合作伙伴之间进行数据对帐的情况（修订第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款 a 项）：**

**(1) Đối với các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác (sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):**

- 开立发票的时间为双方完成数据对帐的时刻，但最迟不得晚于提供服务次月的第 7 天，或不晚于约定结算周期结束后的 7 天。结算周期作为计算商品或服务提供量的依据，由销售商品或提供服务的单位与买方协商确定。

- Thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 7 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 7 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.

- 适用于此情况的服务包括：

- Các dịch vụ thuộc trường hợp này bao gồm:

+ 直接支持航空运输的服务、为航空公司提供航空燃料的服务。

+ Cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không.

+ 电力供应活动（不包括本款 h 项规定的对象）。

+ Hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này).

+ 支持铁路及水路运输的服务。

+ Cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường thủy.

+ 电视服务、电视广告服务。

+ Dịch vụ truyền hình, dịch vụ quảng cáo truyền hình.

+ 电子商务服务。

+ Dịch vụ thương mại điện tử.

+ 邮政及快递服务（包括代理服务、代收代付服务）。

+ Dịch vụ bưu chính và chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ).

# 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

## ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- + 电信服务（包括增值电信服务）。
- + Dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng).
- + 物流服务。
- + Dịch vụ logistics.
- + 信息科技服务（不包括本款 b 项规定的情况）。
- + Dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).
- + 银行服务（不包括贷款活动）、国际汇款、证券服务、电子彩票、投资者与收费服务提供商之间的道路使用费收取，以及财政部长规定的其他情况。
- + Dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), chuyển tiền quốc tế, dịch vụ chứng khoán, xổ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí, và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**(2) 对于原油勘探、开采及加工活动（修订第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款 e 项）：**  
**(2) Đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô** (sửa đổi điểm e khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

- 销售原油、凝析油及原油加工产品（包括政府承诺的包销产品）的开立发票时间为买卖双方确定最终销售价格的时刻，不论是否已收款。
- Thời điểm lập hóa đơn bán dầu thô, condensate, các sản phẩm được chế biến từ dầu thô (bao gồm cả hoạt động bao tiêu sản phẩm theo cam kết của Chính phủ) là thời điểm bên mua và bên bán xác định được giá bán chính thức, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- 对于通过管道输送至买方的天然气、伴生气及煤层气的销售活动，开立发票的时间为买卖双方确定当月交货气量的时刻，但最迟不得晚于税务法规规定的当月税务申报及纳税期限的最后一天。
- Đối với hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao của tháng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế.
- 若政府担保及承诺协议对开立发票时间另有规定，则依该协议执行。
- Trường hợp thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ có quy định khác về thời điểm lập hóa đơn thì thực hiện theo quy định tại thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ.

**(3) 对于贷款活动的开立发票时间（修订第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款 1 项）：**  
**(3) Thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động cho vay** (sửa đổi điểm 1 khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP)

# 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

## ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 贷款活动的开立发票时间依据信贷机构与借款客户之间的信贷合同规定的利息收取期限确定。若到期未收到利息，且信贷机构依据信贷法规进行表外跟踪，则开立发票的时间为实际收到客户贷款利息的时刻。
- Thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động cho vay được xác định theo kỳ hạn thu lãi tại hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng đi vay, trừ trường hợp đến kỳ hạn thu lãi không thu được và tổ chức tín dụng theo dõi ngoại bảng theo quy định pháp luật về tín dụng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu được tiền lãi vay của khách hàng.
- 若依据信贷合同提前支付利息，则开立发票的时间为提前收取利息的时刻。
- Trường hợp trả lãi trước hạn theo hợp đồng tín dụng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu lãi trước hạn.
- 对于外币兑换代理、信贷机构或经济组织提供的外币收付服务，开立发票的时间为兑换外币或完成外币收付服务的时刻。
- Đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế của tổ chức tín dụng, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm đổi ngoại tệ, thời điểm hoàn thành dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

**(4) 对于使用计费软件的出租车客运业务（修订第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款 m 项）：**

**(4) Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền (sửa đổi điểm m khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):**

开立发票的时间为行程结束时，经营出租车客运的企业或合作社使用计费软件开立电子发票给客户，并依规定将发票数据传送至税务机关。

Thời điểm lập hóa đơn là khi kết thúc chuyến đi, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền thực hiện lập hóa đơn điện tử cho khách hàng đồng thời chuyển dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo quy định.

**(5) 对于使用医疗管理及院费管理软件的医疗机构（修订第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款 n 项）：**

**(5) Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có sử dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh và quản lý viện phí (sửa đổi điểm n khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):**

- 每笔诊疗、检查及拍摄、化验等服务交易均需打印收费单（包括院费或检查化验费用），并储存于信息系统。若客户（就诊者）无需索取发票，医疗机构于每日结束时根据诊疗信息及收费单信息汇总开立当日医疗服务的电子发票。

- Từng giao dịch khám, chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ chụp, chiếu, xét nghiệm có in phiếu thu tiền (thu viện phí hoặc tiền khám, xét nghiệm) và có lưu trên hệ thống công nghệ thông tin. Nếu

# 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

## ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

khách hàng (người đến khám, chữa bệnh) không có nhu cầu lấy hóa đơn thì cuối ngày cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ thông tin khám, chữa bệnh và thông tin từ phiếu thu tiền để tổng hợp lập hóa đơn điện tử cho các dịch vụ y tế thực hiện trong ngày.

- 若客户要求开立电子发票，医疗机构应开立电子发票并交付客户。
- Trường hợp khách hàng yêu cầu lập hóa đơn điện tử thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng.
- 医疗机构在社会保险机构支付或结算持卡人医疗费用时，为社会保险机构开立发票。
- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập hóa đơn cho cơ quan bảo hiểm xã hội tại thời điểm được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán, quyết toán chi phí khám chữa bệnh cho người có thẻ bảo hiểm y tế.

### (iii) 新增保险、彩票、赌场及有奖电子游戏的开立发票时间规定

### (iii) Bổ sung thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số, casino và trò chơi điện tử có thưởng

第 70/2025/NĐ-CP 号议定新增了若干商业活动的开立发票时间规定，具体包括保险业务、彩票业务、赌场及有奖电子游戏业务。这些新增规定在第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款的 p、q、r 项中规定如下：

Nghị định 70/2025/NĐ-CP bổ sung các quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với một số hoạt động kinh doanh, cụ thể là hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số, kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng. Các bổ sung này được quy định tại điểm p, q, r khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP như sau:

(1) 对于保险业务（新增第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款 p 项）：

(1) Đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm (bổ sung điểm p khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

保险业务的开立发票时间为依据保险业务法规记录保险收入的时刻。

Thời điểm lập hóa đơn của hoạt động kinh doanh bảo hiểm là thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

(2) 对于传统彩票及即开型彩票业务（新增第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款 q 项）：

(2) Đối với hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay (bổ sung điểm q khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

- 对于传统彩票（预印且包含各面额的彩票出售给客户），开立发票的时间为彩票经营企业回收未售出彩票的时刻，且最迟不得晚于下一期开奖前。

## 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

# ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- Đối với vé xổ số truyền thống (vé xổ số in sẵn đủ mệnh giá bán cho khách hàng), thời điểm lập hóa đơn là khi doanh nghiệp kinh doanh xổ số thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết và chậm nhất là trước khi mở thưởng của kỳ tiếp theo.

- 彩票经营企业需为每期销售彩票的组织或个人代理商开立一张带有税务机关编码的电子增值税发票。发票必须送交税务机关以取得编码。

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số cần lập 1 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử có mã của cơ quan thuế cho từng đại lý là tổ chức, cá nhân bán vé xổ số được bán trong kỳ. Hóa đơn phải được gửi đến cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn.

(3) 对于赌场及有奖电子游戏业务（新增第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款 r 项）：

(3) Đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng (bổ sung điểm r khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020NĐ-CP):

- 开立电子发票的时间最迟为确定收入当日结束后的 1 天。

- Thời điểm lập hóa đơn điện tử là chậm nhất 1 ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu.

- 经营赌场及有奖电子游戏的企业必须传送记录的收入数据（包括在柜台、游戏桌或有奖电子游戏机收取的兑换货币金额，扣除支付给玩家的奖金或玩家未使用完的金额），依据本议定附件 IA 中的 01/TH-DT 表格格式。

- Doanh nghiệp kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng phải chuyển dữ liệu ghi nhận số tiền thu được (do đổi đồng tiền quy ước cho người chơi tại quầy, tại bàn chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng) trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi (do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết) theo Mẫu 01/TH-DT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

- 这些数据必须与电子发票数据同时传送至税务机关。

- Dữ liệu này phải được chuyển đến cơ quan thuế cùng thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử.

- 收入确定日为当日 00:00 至 23:59 的时间段。

- Ngày xác định doanh thu là khoảng thời gian từ 0 giờ 00 phút đến 23 giờ 59 phút cùng ngày.

### (iv) 关于调整及替换发票的新规定

### (iv) Quy định mới về hóa đơn điều chỉnh thay thế

自 2025 年 6 月 1 日起，第 70 号议定修订第 123 号议定有关调整及替换发票的新规定  
Quy định mới về hóa đơn điều chỉnh hóa đơn thay thế tại ND 70 sửa ND 123 từ 01/6/2025

# 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

## ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

根据第 70/2025/NĐ-CP 号议定第 1 条第 13 款，修订了第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 19 条关于处理错误发票的规定如下：

Tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP về xử lý hóa đơn có sai sót như sau:

(1) 条款名称更改为「电子发票的替换与调整」

(1) Đổi tên điều thành **Thay thế, điều chỉnh hóa đơn điện tử**

(2) 卖方处理错误电子发票的方式：

(2) Người bán xử lý hóa đơn điện tử có sai sót:

当发现已开立的电子发票有误（包括已取得税务机关编码的电子发票或未编码但已传送数据至税务机关的电子发票），卖方应按以下方式处理：

Khi phát hiện hóa đơn điện tử đã lập sai (bao gồm hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế) thì người bán thực hiện xử lý như sau:

- 若错误仅涉及买方的名称或地址，但税务编号及其他内容无误，卖方应通知买方发票错误，且无需重新开立发票。卖方需依据第 70/2025/NĐ-CP 号议定附件 IA 中的 04/SS-HĐĐT 表格，向税务机关通报错误的电子发票。

- Trường hợp có sai về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế, các nội dung khác không sai thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn. Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

- 若错误涉及税务编号、发票金额、税率、税额或商品规格、质量，卖方可选择调整或替换电子发票，具体如下：

- Trường hợp có sai mã số thuế; sai về số tiền ghi trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng thì có thể lựa chọn điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn điện tử như sau:

+ 卖方开立电子发票调整已开立的错误发票。调整的电子发票需注明「调整自发票样式编号...、符号...、号码...、日期...年」。

+ Người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập sai. Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập sai phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số. ngày. tháng... năm”.

+ 卖方开立新电子发票替换错误的电子发票。替换的电子发票需注明「替换自发票样式编号...、符号...、号码...、日期...年」。

## 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

# ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ Người bán lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử lập sai. Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số. ngày. tháng.. năm”.

卖方在调整或替换的电子发票上进行数字签名后，若使用无税务机关编码的电子发票，则直接发送给买方；若使用有税务机关编码的电子发票，则送交税务机关以取得新发票编码后再发送给买方。

Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập sai sau đó người bán gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế) hoặc gửi cơ quan thuế để cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

若卖方在同一月份对同一买方开立的数张发票中出现相同的买方信息、商品名称、单价或税率错误，卖方可开立一张调整或替换发票，涵盖该月内所有错误的电子发票，并附上依据第 70/2025/NĐ-CP 号议定附件 IA 中的 01/BK-ĐCTT 表格列明的错误发票清单。

Trường hợp trong tháng người bán đã lập sai cùng thông tin về người mua, tên hàng, đơn giá, thuế suất trên nhiều hóa đơn của cùng một người mua trong cùng tháng thì người bán được lập một hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế cho nhiều hóa đơn điện tử đã lập sai trong cùng tháng và đính kèm bảng kê các hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 01/BK-ĐCTT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

在调整或替换错误电子发票前，若买方为企业、经济组织、其他组织、个体工商户或个人经营者，卖方与买方必须签署书面协议，明确记载错误内容；若买方为个人，卖方需通知买方或在卖方网站上（若有）公告。卖方需保存协议文件，并在要求时出示。

Trước khi điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai, đối với trường hợp người mua là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai; trường hợp người mua là cá nhân thì người bán phải thông báo cho người mua hoặc thông báo trên website của người bán (nếu có). Người bán thực hiện lưu giữ văn bản thỏa thuận tại đơn vị và xuất trình khi có yêu cầu.

(3) 对于航空业，航空运输证件的退换发票视为调整发票，无需注明「调整增/减自发票样式编号...、符号...、日期...年」。航空运输企业可为代理商开立的退换运输证件自行开具发票。

(3) Đối với ngành hàng không thì hóa đơn đổi, hoàn chứng từ vận chuyển hàng không được coi là hóa đơn điều chỉnh mà không cần có thông tin “Điều chỉnh tăng/giảm cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... ngày. tháng... năm”. Doanh nghiệp vận chuyển hàng không được phép xuất hóa đơn của mình cho các trường hợp hoàn, đổi chứng từ vận chuyển do đại lý xuất.

## 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

# ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

(4) 若税务机关发现电子发票（无论是否带有税务机关编码）有误，税务机关将依据第 70/2025/NĐ-CP 号议定附件 IB 中的 01/TB-RSĐT 表格通知卖方，卖方有责任根据通知审查错误内容并进行调整或替换发票。

(4) Trường hợp cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập sai thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP để người bán kiểm tra nội dung sai. Người bán có trách nhiệm rà soát theo thông báo của cơ quan thuế và thực hiện điều chỉnh, thay thế hóa đơn.

(5) 税务局电子信息入口网站将在卖方依据第 70/2025/NĐ-CP 号议定附件 IA 中的 04/SS-HĐĐT 表格向税务机关通报时，自动发出接收通知（依据 01/TB-SSĐT 表格）。

(5) Công thông tin điện tử của Cục Thuế tự động thông báo về việc tiếp nhận theo Mẫu số 01/TB-SSĐT khi người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

(6) 对于已开具且内容无误的电子发票，若在实际支付或结算时，基于国家的主管机关依据相关法律规定作出的结论，导致货物/服务价值或数量发生变更，则卖方应就结算差额部分按实际经济业务情况开具新的电子发票（差额减少以负数(-)列示，差额增加以正数(+)列示以符合实际的情况）。

(6) Đối với các hóa đơn điện tử đã lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không bị sai nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử mới đối với số chênh lệch qua quyết toán phản ánh theo đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh (**phát sinh giảm ghi âm (-) hoặc phát sinh tăng ghi dương (+) phù hợp với thực tế**).

(7) 折扣发票：

(7) Hóa đơn có chiết khấu:

若商业折扣基于商品或服务的数量或销售额，则已售商品或服务的折扣金额应在最后一次购买或下一结算周期的销售或服务发票上进行调整，确保折扣金额不超过最后一次购买或下一周期发票上记录的商品或服务价值。或者，卖方可开立调整发票，并附上需调整的发票编号、金额及税额清单。该列表需存盘于单位中，并在税务机关或其他主管机关要求时出示。

Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Bảng kê được lưu tại đơn vị và xuất trình khi cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

# 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

## ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

根据调整发票，卖方与买方在开立调整发票的结算周期内调整购买、销售收入及进项、销项税额。

Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh.

**(8) 退货或服务退还的电子发票处理：**

**(8) Xử lý hóa đơn điện tử trong trường hợp trả lại hàng hoá, dịch vụ:**

- 退货情况：若买方退还全部或部分商品（包括因换货导致商品价值变更的情况），卖方应开立调整发票，除非双方约定由买方在退货时开立发票，则买方开立电子发票交给卖方。卖方与买方需按商品销售的税务规定履行税务义务。

- Trường hợp trả lại hàng hóa: Trường hợp người mua trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa (bao gồm cả trường hợp đổi hàng làm thay đổi giá trị của hàng hóa đã mua) thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận về việc người mua lập hóa đơn khi trả lại hàng hóa thì người mua lập hóa đơn điện tử giao cho người bán; người bán, người mua thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định khi bán hàng hóa.

- 若退还的商品属于依法需登记使用权或所有权的资产，且已登记在买方名下，则退货时需符合相关法律规定。若买方为使用电子发票的对象，则买方需开立退货发票交给卖方。

- Trường hợp hàng hoá là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và tài sản đã được đăng ký theo tên người mua thì khi trả lại hàng hoá đảm bảo phù hợp với pháp luật liên quan, nếu người mua là đối tượng sử dụng hoá đơn điện tử thì người mua thực hiện lập hoá đơn trả lại hàng cho người bán.

**(9) 对于根据保险业法律的规定退还、减少保险费、减少保险经纪佣金和其他扣除额的情况：**根据已开立的发票及书面协议或备忘录（明确记载退还或减少的保险费金额（不含增值税）、企业已收取的保险费发票的增值税金额（包括发票编号、日期）、退费或减费的原因，卖方应开立调整发票交给参保客户，不论是否已支付款项。调整发票上需明确记载退还或减少的保险费金额及原因。该书面协议需与保险费收取发票一同存档于企业中，并在被要求时出示。

**(9) Đối với trường hợp hoàn phí, giảm phí, giảm hoa hồng môi giới bảo hiểm và các khoản chi để giảm thu khác theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm.** Căn cứ vào hóa đơn đã lập và biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ số tiền phí bảo hiểm được hoàn, giảm (không bao gồm thuế giá trị gia tăng), số tiền thuế giá trị gia tăng theo hóa đơn thu phí bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đã thu (số ký hiệu, ngày, tháng của hóa đơn), lý do hoàn, giảm phí bảo hiểm thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh giao cho khách hàng tham gia bảo hiểm, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trên hóa đơn ghi rõ số tiền phí bảo hiểm hoàn, giảm, lý do hoàn, giảm. Biên bản này được lưu giữ cùng với hóa đơn thu phí bảo hiểm tại doanh nghiệp và xuất trình khi có yêu cầu.

# 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

## ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

(10) 若卖方在提供服务前或房地产、基础设施建设、房屋销售或转让业务中预收款项时已开立发票，其后因交易取消或终止、部分服务取消，则卖方应按以下方式调整已开立的电子发票：

(10) Trường hợp người bán đã lập hóa đơn khi thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ hoặc lập hóa đơn thu tiền đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, nhà chuyển nhượng sau đó phát sinh việc huỷ hoặc chấm dứt giao dịch và hủy một phần việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập như sau:

调整的电子发票需注明「调整自发票样式编号...、符号...、号码...、日期...年」。

Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập sai phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số. ngày. tháng... năm”.

(11) 对于信贷机构或非现金支付服务提供机构（以下称支付服务机构），若已开立银行卡支付服务费用发票，其后发生退还银行卡支付服务费用的交易，信贷机构或支付服务机构开立调整发票时，无需在调整发票上注明「调整自发票号码...、样式编号...、符号...、日期...年」。

(11) Trường hợp tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (sau đây gọi là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán) đã lập hóa đơn thu phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng sau đó phát sinh giao dịch hoàn phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng cho đơn vị chấp nhận thẻ thì tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh thì trên hóa đơn điều chỉnh không cần có thông tin “Điều chỉnh cho hóa đơn số.... Mẫu số... ký hiệu... ngày... tháng...năm.”

(12) 对于电信服务，若客户使用行动电信预付卡支付后付服务费用、慈善捐款短信或其他可使用行动电信预付卡支付的电信服务，且电信企业在销售充值卡或完成服务提供时已依规定开立增值税发票，电信企业应根据列表数据或与合作伙伴、客户的工作备忘录开立调整发票。

(12) Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông mà khách hàng sử dụng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động để thanh toán cho cước dịch vụ trả sau, nhắn tin ủng hộ từ thiện, các dịch vụ viễn thông khác được chấp nhận thanh toán bằng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động và khi bán thẻ cào, hoàn thành cung cấp dịch vụ doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện lập hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định, doanh nghiệp viễn thông căn cứ vào dữ liệu trên bảng kê hoặc biên bản làm việc với đối tác, khách hàng để thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh.

(13) 调整与替换发票的适用规则

(13) Áp dụng hóa đơn điều chỉnh, thay thế

- 若电子发票开立错误且卖方已依第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 19 条第 1 款 b 项规定进行调整或替换，其后再次发现发票错误，后续处理应沿用首次处理时采用的方式。

## 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

# ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP, sau đó lại phát hiện hóa đơn sai thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi xử lý lần đầu;
- 若依规定开立的电子发票无发票样式编号、符号或号码但发生错误，卖方仅需开立调整发票。
- Trường hợp theo quy định hóa đơn điện tử được lập không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn đã lập sai thì người bán chỉ thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh;
- 调整发票的价值内容应反映实际调整情况：增加调整记为正数，减少调整记为负数。
- Đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn điều chỉnh thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh;
- 对于第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 19 条第 1 款 b 项规定的情况，调整或替换发票由卖方与买方在被调整或替换发票的结算周期内补充申报。
- Hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP thì người bán, người mua khai bổ sung vào kỳ phát sinh hóa đơn bị điều chỉnh, bị thay thế;
- 对于第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 19 条第 4 款规定的情况，卖方在开立调整发票的结算周期内申报，买方在收到调整发票的结算周期内申报。
- Hóa đơn điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP thì người bán kê khai vào kỳ phát sinh hóa đơn điều chỉnh, người mua kê khai vào kỳ nhận được hóa đơn điều chỉnh.

### 生效日期与执行责任

#### Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. 本议定自 2025 年 6 月 1 日起生效。

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.

2. 财政部长负责指导执行本议定第 1 条第 3、6、7、11、18、37 及 38 款的规定，以及根据管理要求处理其他情况。

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành các khoản 3, khoản 6, khoản 7, khoản 11, khoản 18, khoản 37 và khoản 38 Điều 1 Nghị định này và các trường hợp khác theo yêu cầu quản lý.

3. 各部长、部级机关首长、政府所属机关首长、地方省市人民委员会主席及相关组织、个人负责执行本议定。

# 修订第 123 号议定有关发票与凭证的第 70 号议定之新内容

## ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

*3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.*

因此，第 70/2025/NĐ-CP 号议定的生效日期为 2025 年 6 月 1 日。

Như vậy, thời điểm Nghị định 70/2025/NĐ-CP có hiệu lực là từ ngày 01/06/2025.

### 第 123/2020/NĐ-CP 号议定中哪些条款将被废除？

#### Những điều nào của Nghị định 123/2020 sẽ bị bãi bỏ?

根据第 70/2025/NĐ-CP 号议定第 2 条第 4 款的规定，将废除第 123/2020/NĐ-CP 号议定的以下条款：

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định 70/2025/NĐ-CP sẽ bãi bỏ những Điều này của Nghị định 123/2020/NĐ-CP:

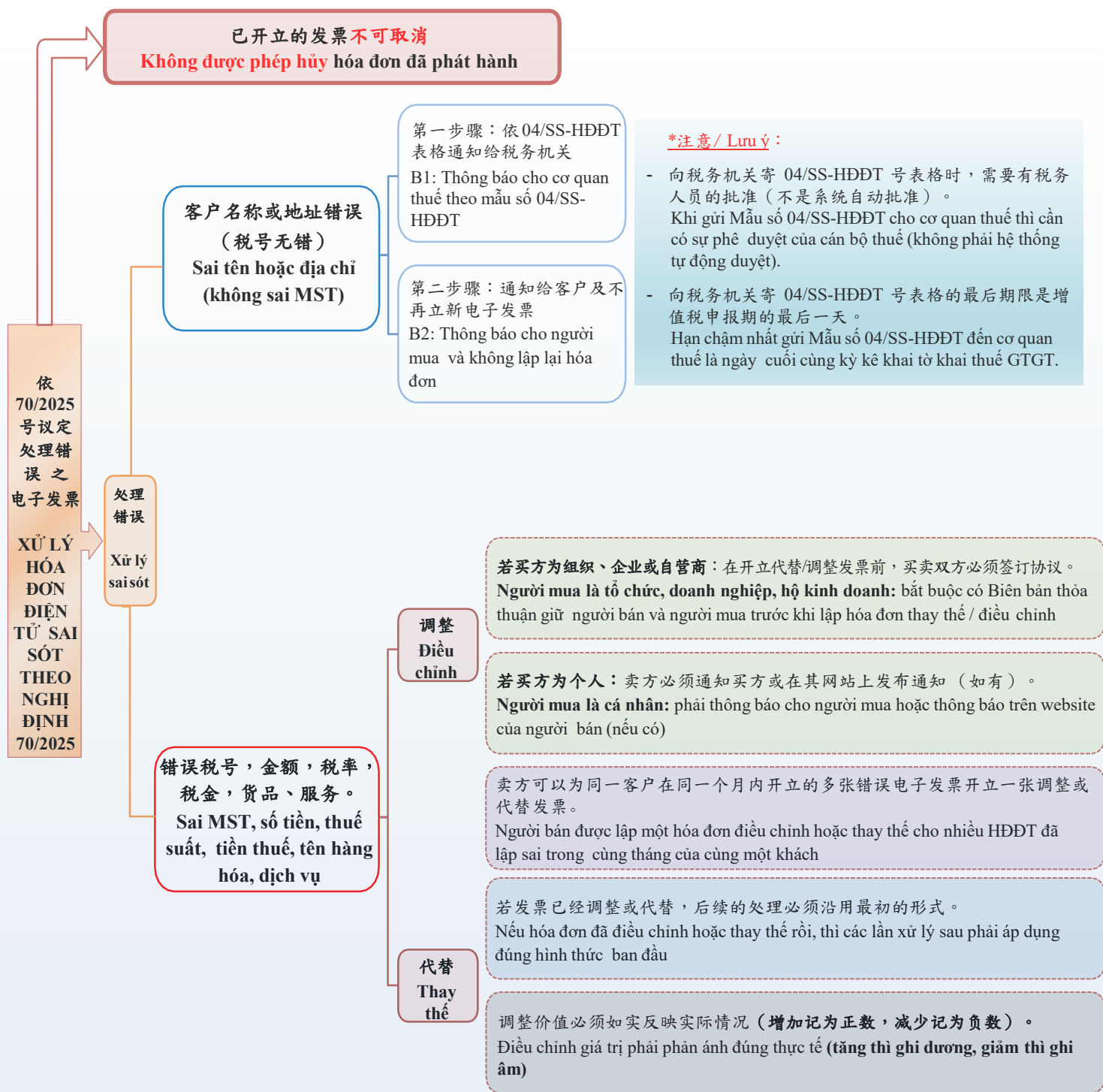
- 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 3 条第 10 款；
- khoản 10 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ;
- 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 9 条第 4 款 g 项；
- điểm g khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
- 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 33 条第 2 款；
- khoản 2 Điều 33 Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
- 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 37 条；
- Điều 37 Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
- 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 50 条第 2 款；
- khoản 2 Điều 50 Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
- 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 51 条；
- Điều 51 Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
- 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 52 条第 4 款第 3 项；
- khoản 3 khoản 4 Điều 52 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ;
- 第 123/2020/NĐ-CP 号议定第 53 条第 5 款。
- khoản 5 Điều 53 Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

# 修订第 123号议定有关发票与凭证的第70号议定之新内容

## ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 70 SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH 123 VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

依 70/2025 号议定处理错误电子发票之程序简述。自 2025/06/01 日起效。

Tóm tắt về việc xử lý hóa đơn điện tử có sai sót theo Nghị định 70/2025. Áp dụng từ ngày 01/06/2025.





## 联络方式 / Liên lạc chúng tôi



[www.everwin-group.com](http://www.everwin-group.com)

[www.everwin-group.cn](http://www.everwin-group.cn)

No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [business@everwin-group.com](mailto:business@everwin-group.com)

No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [business@everwin-group.com](mailto:business@everwin-group.com)

G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, HaNoi

☎ M +84 908 398 199

✉ [business@everwin-group.com](mailto:business@everwin-group.com)

广州市天河区金穗路8号 - 星汇国际大厦 22楼  
F22 号房

☎ M +86 - 198 7281 4318

✉ [service@everwin-group.cn](mailto:service@everwin-group.cn)

Think for you Do for you  
为您思考 用心服务

